

Bản án số: 400/2023/DS-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà D.H.V, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T.Q.T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường A, Phường L, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền ngày 05/5/2023) (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông N.H.P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Đường T, Phường L, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải

quyết vụ án, nguyên đơn bà D.H.V có ông T.Q.T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có sự quen biết, vào ngày 17/01/2021, bà V cho ông N.H.P vay số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, không lãi suất. Hai bên có lập giấy mượn tiền với thời hạn vay kể từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/05/2021. Mặc dù đã hết hạn trả nợ nhưng ông P vẫn không trả số tiền 210.000.000 đồng cho Bà V. Sau nhiều lần bà V liên hệ với ông P yêu cầu trả lại số tiền mà ông đã vay vì đó là số tiền mà bà đã dành dụm và vay mượn của nhiều người để cho ông P vay. Tuy nhiên, cho đến nay ông P không trả nợ bà V.

Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N.H.P trả lại số tiền gốc đã vay là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng và buộc ông P phải trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2021 đến khi trả xong nợ với lãi suất là 10%/năm.

Ngày 13/6/2022, ông T.Q.T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn ông N.H.P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông P không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án và vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 210.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 17/05/2021 và khoản tiền lãi quá hạn tính theo khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà V và ông P là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông N.H.P có địa chỉ cư trú tại Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Giấy ủy quyền ngày 05/5/2023 của bà D.H.V ủy quyền cho ông T.Q.T tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông T có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông T.Q.T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227

và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Tâm.

Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 210.000.000 đồng

Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Đối với giấy mượn tiền ngày 17/01/2021 với số tiền vay là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng là chứng cứ bà V nộp cho tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình và đã được ông P ký xác nhận về khoản vay. Ông P cũng đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông P vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do Bà V đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà Bà V nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 17/01/2021 có cơ sở xác định ông N.H.P vay của bà V số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn ông P phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà V kể từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/5/2021. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ngày cuối cùng ông P có nghĩa vụ trả nợ của ông P là 17/5/2021. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận là vi phạm quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn trả số tiền nợ gốc 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn từ ngày 17/05/2021 đến khi trả hết nợ gốc với lãi suất 10%/năm.

Tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương đương với thời gian chậm trả nợ gốc*.

Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *Lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,0274%/ngày) là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo giấy mượn tiền ngày 17/01/2021, với số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng, thời hạn trả tiền vào ngày 17/5/2021. Như vậy ngày bị đơn bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 18/5/2021, tính đến ngày 26/9/2023 là 862 ngày.

Lãi chậm trả được tính như sau:

$862 \text{ ngày} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 210.000.000 \text{ đồng} = 49.599.480 \text{ đồng}$

Như vậy, ông P có nghĩa vụ phải trả cho bà V số tiền lãi chậm trả là 49.599.480 (bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi) đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 357, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông N.H.P phải trả cho bà D.H.V số tiền 259.599.480 (hai trăm năm mươi chín triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, tiền lãi là 49.599.480 (bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi) đồng.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: 12.979.974 (mười hai triệu, chín trăm bảy mươi chín, ngàn chín trăm bảy mươi tư) đồng, ông N.H.P chịu.

Bà D.H.V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 (bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0035001 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan